TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HÀ NỘI	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **342**/2026/QĐST-HNGĐ

Hà Nội, ngày 03 tháng 4 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- HÀ NỘI

Căn cứ vào các Điều 144; khoản 4 Điều 147; Điều 212; Điều 213 và khoản 4 Điều 397 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51; Điều 55; Điều 57; Điều 59; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Điều 37, Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình thụ lý số: 302/2026/TLST-VHNGĐ ngày 26 tháng 3 năm 2026 về yêu cầu "Công nhận thuận tình ly hôn" gồm những người tham gia tố tụng sau:

Người yêu cầu giải quyết việc Hôn nhân và gia đình:

- Anh **Nguyễn Hải B**, sinh năm 1964; ĐKHKTT và nơi cư trú: 107-108 C6 Tập thể G, phường G, thành phố Hà Nội.

- Chị **Đỗ Thị Q**. Sinh năm: 1982; ĐKHKTT: 107-108 C6 Tập thể G, phường G, thành phố Hà Nội. Nơi ở: P D4 Tập thể G, phường G, thành phố Hà Nội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành ngày 26 tháng 3 năm 2026 tại Toà án nhân dân Khu vực 1 - Hà Nội của người yêu cầu là tự nguyện; Việc thuận tình ly hôn và các nội dung thỏa thuận không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

[2] Quan hệ hôn nhân của anh Nguyễn Hải B và chị Đỗ Thị Q là hợp pháp và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã C, huyện H, tỉnh Thanh Hóa (nay là xã Đ, tỉnh Thanh Hóa) vào ngày 18/01/2006 theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 07/2006.

[3] Việc thuận tình ly hôn và các thỏa thuận của đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- Về tình cảm: Anh Nguyễn Hải B và chị Đỗ Thị Q thống nhất thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Anh Nguyễn Hải B và chị Đỗ Thị Q xác nhận có hai con chung là Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/10/2006 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/10/2008. Anh chị thống nhất thỏa thuận để chị Đỗ Thị Q là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục con chung Nguyễn Minh T, sinh ngày 26/10/2008. Anh Nguyễn Hải B không phải đóng góp tiền cấp dưỡng nuôi con. Con Nguyễn Phương L, sinh ngày 29/10/2006 đã trưởng thành trên 18 tuổi, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

Anh Nguyễn Hải B có quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về tài sản chung (động sản và bất động sản): Anh Nguyễn Hải B và chị Đỗ Thị Q xác nhận không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét. Sau khi ly hôn hai bên tự lo chỗ ở, không có khiếu kiện hay thắc mắc gì.

- Về các khoản vay nợ: Anh Nguyễn Hải B và chị Đỗ Thị Q xác nhận không vay nợ ai, không vay nợ nhau và không cho ai vay nợ, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Toà án không xem xét.

2. Về lệ phí: Chị Đỗ Thị Q tự nguyện chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng lệ phí sơ thẩm được trừ vào tiền tạm ứng lệ phí 300.000 đồng đã nộp theo biên lai thu số 0007121 ngày 25 tháng 3 năm 2026 của Phòng Thi hành án dân sự Khu vực 1 - Hà Nội.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận*:**
- Người yêu cầu;
- Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;
- Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 1 – Hà Nội;
- Phòng THA dân sự Khu vực 1 – Hà Nội;
- UBND xã Đ, tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ việc Hôn nhân và gia đình.

THẨM PHÁN

Đinh Ngọc Liên